TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**
SỐ:29/2024/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 05 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng \01 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: chị Bùi Thị Ch, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn 6, xã G, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn 6, xã G, huyện N, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị Ch và anh Nguyễn Hữu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con chung: chị Bùi Thị Ch và anh Nguyễn Hữu T thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Chiến D, sinh ngày 18/8/2018, giao cho chị Bùi Thị

Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/10/2023 kể từ tháng 02/2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị Ch và anh Nguyễn Hữu T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Bùi Thị Ch và anh Nguyễn Hữu T có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản, công nợ chung: chị Bùi Thị Ch, anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu giải quyết.

2.3 Về án phí: chị Bùi Thị Ch nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Ch đã nộp theo biên lai thu số: BLTU/23/0001149, ngày 23/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị Bùi Thị Ch 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc